

21. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH (*National Defense and Security Education*)

*Mã ngành: 7140208

*Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 120 (*Không tính học phần GDTC: 03 tín chỉ*), trong đó:

- Khối kiến thức đại cương: **22 tín chỉ**
- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: **55 tín chỉ**
 - + Khối kiến thức của nhóm ngành: 26 tín chỉ
 - + Khối kiến thức chuyên ngành: 29 tín chỉ
 - Bắt buộc:* 27 tín chỉ
 - Tự chọn:* 02 tín chỉ
- Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm: **36 tín chỉ**
 - Bắt buộc:* 32 tín chỉ
 - Tự chọn:* 04 tín chỉ
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế: **07 tín chỉ**

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				
				Lên lớp			Thực hành thí nghiệm, thực tập, thực tế	Tự học, tự nghiên cứu
				Lý thuyết	Bài tập	Seminar, thảo luận		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Khối kiến thức đại cương		22					
1	Triết học Mác - Lênin	CT111	03	32		26		90
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	CT112	02	21		18		60
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	CT113	02	21		18		60
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CT103	02	21		18		60
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	CT115	02	21		18		60
6	Tiếng Anh A2 1	A2101.1	03	30	30			90
7	Tiếng Anh A2 2	A2102.1	02	15	30			60
8	Tiếng Anh A2 3	A2103.1	02	15	30			60
9	Tin học	TH101	02	15			30	45
10	Giáo dục thể chất 1	TC101	01				30	15
11	Giáo dục thể chất 2	TC102	01				30	15
12	Giáo dục thể chất 3	TC103	01				30	15
13	Pháp luật đại cương	PL101	02	15		30		45
II	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		55					
II.1	Khối kiến thức của nhóm ngành		26					
14	Tiếng Anh chuyên ngành	QA702	03	30	30			75
15	Phương pháp thống kê trong Giáo dục Quốc phòng và An ninh	QA703	02	15	30			45

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
16	Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc	QA202	02	15		30		45
17	Tâm lý học quân sự	QA204	02	15		30		45
18	Giáo dục học quân sự	QA206	02	15		30		45
19	Công tác Đảng, công tác chính trị trong QĐND Việt Nam	QA705	02	15		30		45
20	Điều lệnh quản lý bộ đội	QA706	02	15			30	45
21	Thể thao quốc phòng	QA303	02				60	30
22	Địa hình quân sự	QA312	02	15	15		15	45
23	Công sự, thuốc nổ, vật cản, vũ khí tự tạo	QA707	03	30			30	75
24	Chiến thuật tổ, tiểu đội bộ binh	QA708	02	15			30	45
25	Chiến thuật trung đội bộ binh	QA316	02	15			30	45
II.2	Khối kiến thức chuyên ngành		29					
Bắt buộc			27					
26	Động tác đội ngũ từng người	QA805	03				90	45
27	Đội ngũ đơn vị	QA806	02				60	30
28	Vũ khí bộ binh	QA302	03	30			30	75
29	Lý thuyết bắn và quy tắc bắn súng bộ binh	QA807	02	15		30		45
30	Kỹ thuật bắn súng bộ binh	QA808	02				60	30
31	Lựu đạn và kỹ thuật ném lựu đạn	QA809	02	15			30	45
32	Chiến thuật cá nhân	QA810	03				90	45
33	Lịch sử, truyền thống quân đội và công an	QA305	02	15		30		45
34	Công tác bảo đảm hậu cần, quân y	QA310	02	15			30	45
35	Đường lối quân sự của Đảng cộng sản Việt Nam	QA811	02	15		30		45
36	Lịch sử chiến tranh và nghệ thuật quân sự Việt nam	QA205	02	15		30		45
37	Bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội	QA812	02	15		30		45
Tự chọn: chọn 1 trong số các học phần sau			02					
38	Lịch sử chiến tranh và nghệ thuật quân sự thế giới	QA203	02	15		30		45

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
39	Hiểu biết về quân đội nước ngoài	QA814	02	15		30		45
40	Luật hình sự và tổ tụng hình sự	QA601	02	15		30		45
41	Vũ khí hủy diệt lớn	QA602	02	15		30		45
42	Thông tin tác chiến điện tử và phòng chống địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao	QA815	02	15		30		45
43	Hiểu biết về phòng thủ dân sự và công tác phòng chống nhân dân	QA816	02	15		30		45
44	Công tác quốc phòng, quân sự địa phương	QA704	02	15		30		45
45	Tổ chức quân đội, công an; Nhà trường quân đội, công an và tuyển sinh đào tạo	QA813	02	15		30		45
III	Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm		36					
Bắt buộc			32					
46	Tâm lý học đại cương (Tâm lý học 1)	TL501	02	15		30		45
47	Tâm lý học sư phạm và tâm lý học lứa tuổi THPT (Tâm lý học 2)	TL502	02	15		30		45
48	Những vấn đề chung về giáo dục học (Giáo dục học 1)	GD501	02	15		30		45
49	Lý luận dạy học và lý luận giáo dục ở trường THPT (Giáo dục học 2)	GD502	02	15		30		45
50	Phương pháp NCKH giáo dục và chuyên ngành Giáo dục Quốc phòng và An ninh	QA911	02	15	15	15		45
51	Phát triển chương trình môn học Giáo dục Quốc phòng và An ninh	QA901	02	15		30		45
52	Lý luận dạy học Giáo dục Quốc phòng và An ninh	QA902	03	30		30		75
53	Phương pháp dạy học Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1	QA402	03	30	30			75
54	Phương pháp dạy học Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	QA903	03	15	15		45	60
55	Thực hành giảng dạy 1	QA904	02	15			30	45
56	Thực hành giảng dạy 2	QA905	02	15			30	45

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
57	Thực tập sư phạm 1	QA501	03				135	
58	Thực tập sư phạm 2	QA502	04				180	
Tự chọn: chọn 2 trong 6 học phần			04					
59	Rèn luyện NVSP thường xuyên	SP101	02	15			30	45
60	Giao tiếp sư phạm	TL305	02	15			30	45
61	Tổ chức hoạt động trải nghiệm, sáng tạo trong dạy học Giáo dục Quốc phòng và An ninh ở trường THPT	QA912						
62	Kiểm tra đánh giá trong dạy học Giáo dục Quốc phòng và An ninh	QA906	02	15		30		45
63	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Giáo dục Quốc phòng và An ninh	QA407	02	15			30	45
64	Văn hóa quân chúng trong lực lượng vũ trang	QA304	02	15			30	45
IV	Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế		07					
	Khóa luận tốt nghiệp	QA801	07					315
	Các học phần thay thế KLTN (chọn 2 trong số 4 học phần sau)		07					
65	Một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống dịch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam	QA907	03	30		30		75
66	Pháp luật về quốc phòng, an ninh	QA908	03	30		30		75
67	Phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới	QA909	04	45		30		105
68	Xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia và biển đảo Việt Nam	QA910	04	45		30		105
	Tổng cộng		120					